

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2023

Phần I

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐẶT RA NĂM 2022

(Chi tiết tại Phụ lục I)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Số liệu kết quả thực hiện

(Chi tiết tại Phụ lục II, Phụ lục III)

2. Kinh phí triển khai

- Tổng kinh phí bố trí cho các nhiệm vụ, dự án năm 2022 (làm tròn): **118 tỷ đồng**. Tỷ lệ chi cho chuyển đổi số chiếm khoảng 0,8% chi ngân sách tỉnh. Trong đó: Vốn chi thường xuyên: **34 tỷ đồng**, vốn chi đầu tư công: **84 tỷ đồng**.

- Danh mục dự án triển khai năm 2022.

(Chi tiết tại Phụ lục IV)

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NĂM 2023

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030;

Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 2323/BTTTT-THH ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0; Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của bộ/tỉnh;

Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;

Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Chương trình số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021-2026 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025;

Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 25/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND tỉnh về việc phê ban hành Đề án phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin tỉnh Bình Phước đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 08/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

II. MỤC TIÊU

1. Hạ tầng số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh 70%.

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng thông rộng cáp quang đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động 100%.

2. Chính quyền số

- Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 100%.

- Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến đạt 90%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý hoàn toàn trực tuyến (toàn trình) đạt 60%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ các hoạt động kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý đạt 50%.

- Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục (không áp dụng đối với dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng) đạt 50%.

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật): Cấp tỉnh đạt 100%, cấp huyện đạt 95%, cấp xã đạt 80%.

- Tỷ lệ UBND cấp xã (đạt nông thôn mới nâng cao) có trang thông tin điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn theo cấp độ quy định đạt 100%.

3. Kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP 8%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 60%.

- Tỷ lệ Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%.

4. Xã hội số

- Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh cài đặt ứng dụng “Binhphuoc today” đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt 30% trở lên.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 60%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 50%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến đạt trên 40%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 20%.
- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 50%.
- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%.
- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Thực hiện Kế hoạch tổ chức ngày chuyển đổi số tại tỉnh để hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 và Tháng Tiêu dùng số (tháng 10); trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người dân và toàn xã hội về chuyển đổi số.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

- Chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng (đặc biệt là các sáng kiến liên quan đến dữ liệu số).

- Nghiên cứu, tham khảo các bài học, kinh nghiệm chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương khác (<https://t63.mic.gov.vn>) và các bài toán chuyển đổi số (<https://c63.mic.gov.vn>) để vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương mình.

- Nghiên cứu xác định tường minh các bài toán chuyển đổi số của tỉnh, tham vấn ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp công nghệ số lớn của Việt Nam trong việc xác định bài toán.

- Triển khai nhân rộng mô hình thí điểm chuyển đổi số toàn diện tại 01 đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

- Chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn toàn tỉnh, khuyến khích người dân doanh nghiệp tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia, kênh truyền thông về chuyển đổi số của tỉnh để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và đời sống.

- Tăng cường tuyên truyền kênh Zalo “Binhpnuoc today”; các kênh Zalo của UBND cấp huyện, UBND cấp xã; góp phần chia sẻ, lan tỏa các thông tin về chuyển đổi số.

2. Thể chế số

- Rà soát, xây dựng, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các kiến trúc, quy chế, quy định về xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, chia sẻ dữ liệu phục vụ chính quyền số, địa phương thông minh phù hợp với định hướng, chiến lược quốc gia.

- Tiếp tục triển khai Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/5/2022 của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh; xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện đảm bảo từng bước hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ đề ra.

3. Hạ tầng số

- Nâng cấp hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, về an toàn, an ninh mạng, về năng lực phục vụ phát triển chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh. Thực hiện thuê hạ tầng Cloud để vận hành dữ liệu dự phòng đồng bộ với Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh, thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo các hệ thống thông tin vận hành liên tục 24/24h.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch chuyển đổi IPv6 trong cơ quan nhà nước, làm nền tảng phát triển chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

- Rà soát, triển khai nâng cấp, mua sắm thiết bị công nghệ thông tin cho các đơn vị.

- Nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng trong các cơ quan nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã, bao gồm: mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng diện rộng (WAN), mạng nội bộ (LAN), kết nối Internet tốc độ cao. Nâng cao năng lực, chất lượng dịch vụ và mở rộng kết nối, giám sát, kiểm soát truy cập tập trung của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, bảo đảm ổn định, thông suốt để phục vụ chính quyền số.

- Phát triển hạ tầng Internet kết nối vạn vật (IOT), trong đó, ưu tiên triển khai các hệ thống wifi công cộng, hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và giao thông, hệ thống cảm biến môi trường, hệ thống thiết bị chiếu sáng thông minh.

- Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các ấp, khu phố, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng biên giới, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

4. Dữ liệu số

- Hoàn thiện Cổng Dịch vụ công tỉnh theo hướng cung cấp dịch vụ số, kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng thanh toán trực tuyến quốc gia, Hệ thống giám sát, đo lường mức độ cung cấp và sử dụng dịch vụ Chính phủ số và các hệ thống quy mô quốc gia cần thiết khác; ứng dụng công nghệ số để cá nhân hóa giao diện, tối ưu hoá trải nghiệm, mang lại sự thuận tiện cho

người dùng. Số hóa và đưa vào khai thác cơ sở dữ liệu (CSDL) kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

- Tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện CSDL công dân, doanh nghiệp của tỉnh, kết nối, đồng bộ dữ liệu từ CSDL quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng và hoàn thiện Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh cho phép thu thập, lưu trữ, tổng hợp từ nhiều nguồn dữ liệu khác nhau (có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc), phân tích, xử lý, khai phá, hỗ trợ ra quyết định; đồng thời chia sẻ cho các cơ quan trong tỉnh sử dụng.

- Phát triển, làm sạch, hoàn thiện, đưa vào sử dụng hiệu quả các CSDL chuyên ngành và quản lý nhà nước, kết nối, tích hợp với các CSDL quốc gia, Hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương, đưa về Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành. Số hóa và đưa vào khai thác CSDL kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý.

- Phát triển CSDL hạ tầng đô thị, quy hoạch, xây dựng, giao thông, cấp thoát nước, cây xanh, phòng cháy chữa cháy, viễn thông, lưới điện... thống nhất, đồng bộ trên bản đồ nền GIS dùng chung.

5. Nền tảng số

Phát triển các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ tỉnh đến xã. Lựa chọn, công bố các nền tảng số tập trung triển khai trong năm 2023. Trong đó ưu tiên:

- Khai thác sử dụng có hiệu quả các nền tảng số quốc gia đã được công bố, triển khai, nhất là: Nền tảng quản lý tiêm chủng, Nền tảng định danh và xác thực điện tử, Nền tảng sàn thương mại điện tử, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà - MOOCS, Nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, ...

- Thúc đẩy triển khai các nền tảng y tế như nền tảng tư vấn, khám chữa bệnh và hội chẩn từ xa (Telehealth/Telecare), hệ thống sức khỏe công dân, hồ sơ bệnh án điện tử... (100% người dân có thông tin khám chữa bệnh bảo hiểm y tế được cập nhật trên ứng dụng Sổ sức khỏe điện tử, Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VnEID).

- Thúc đẩy triển khai các nền tảng của tỉnh đã đưa vào vận hành chính thức, trọng tâm là: Nền tảng “Binhphuoc today” phục vụ người dân, doanh nghiệp; ứng dụng “IOC Binh Phuoc” phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, quản lý thiết bị IoT (IoT Platform), nền tảng quản lý video (VMS), nền tảng phân tích dữ liệu thông minh (AI Platform), sử dụng các công nghệ nhận dạng, học máy, khai phá dữ liệu,... phục vụ phân tích dữ liệu, cảnh báo sớm, dự báo, hỗ trợ ra quyết định.

- Rà soát, nâng cấp hoàn thiện Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh được ưu tiên xây dựng và kết nối với các CSDL quốc gia đã sẵn sàng chia sẻ thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP). Đảm bảo thực hiện chia sẻ, kết nối theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

6. Nhân lực số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh năm 2023, tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ lãnh đạo cơ quan các cấp, cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, cán bộ, công chức, viên chức, trong đó đặc biệt chú trọng tới kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn cho Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06/CP để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng tập huấn các nội dung: sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng Binhphuoctoday, Tổng đài 1022, thương mại điện tử, bảo đảm an toàn thông tin, sử dụng các dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, du lịch, giải trí,...).

- Các cơ quan, đơn vị chủ động chuẩn hóa đội ngũ, đảm bảo nguồn nhân lực công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị mình phục vụ cho triển khai chuyển đổi số.

7. An toàn thông tin mạng

- Nâng cấp Trung tâm giám sát an toàn, an ninh mạng (Security Operation Center - SOC) kết nối với Hệ thống hỗ trợ giám sát, điều hành an toàn mạng, Hệ thống an ninh mạng phục vụ Chính phủ số của quốc gia. Thường xuyên giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, ngăn chặn kịp thời các sự cố tấn công an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Thiết lập mạng lưới kết nối các chuyên gia, tổ chức, doanh nghiệp an toàn thông tin trên địa bàn tỉnh và quốc gia nhằm chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ xử lý sự cố an toàn thông tin; tích cực tham gia các chiến dịch bảo đảm an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông phát động; tham gia vào Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông điều phối.

- Triển khai xây dựng, phê duyệt/trình phê duyệt hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin quan trọng của tỉnh. Thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên. Hệ thống thông tin được kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng trước khi đưa vào sử dụng, khi nâng cấp, thay đổi, định kỳ theo quy định; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Chính quyền số

- Duy trì ổn định kết nối các cơ quan Đảng; sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã kết nối mạng LAN và Internet tốc độ cao, mạng truyền số liệu chuyên dùng dành riêng cho các cơ quan Đảng và Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Duy trì đường truyền số liệu chuyên dùng.

- Tiếp tục duy trì hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định. Đảm bảo hoạt động của Hệ thống thư điện tử công vụ. Tăng cường việc sử dụng chữ ký số trong cán bộ, công chức các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

- Vận hành ổn định và hiệu quả hệ thống Quản lý văn bản và điều hành của tỉnh phục vụ tốt cho việc gửi nhận, theo dõi xử lý văn bản. Tăng cường kết nối trực liên thông văn bản của tỉnh kết nối liên thông các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã thông suốt với Văn phòng Chính phủ, các bộ ngành Trung ương và các địa phương ngoài tỉnh thông qua Trực liên thông văn bản quốc gia.

- Hoàn thành kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia do Bộ Thông tin và Truyền thông quản lý, theo lộ trình của các Bộ chuyên ngành.

- Hoàn thiện mô hình điểm về chuyển đổi số cấp tỉnh, huyện, xã; doanh nghiệp; hợp tác xã để triển khai nhân rộng toàn tỉnh.

9. Kinh tế số

Triển khai phát triển kinh tế số theo Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Tiếp tục triển khai thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch số 297/KH-UBND ngày 17/9/2021 của UBND tỉnh về việc đưa sản phẩm nông sản của tỉnh lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/04/2022 của UBND tỉnh về triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số và đề án “Xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số” trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: *số doanh nghiệp thực hiện đánh giá, xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số (trên cổng <https://dbi.gov.vn>); số doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh (trên cổng SMEdx <https://smedx.mic.gov.vn>).*

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 19/01/2021 của UBND tỉnh về phát triển thương mại điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 339/KH-UBND ngày 18/11/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống thương mại, thương mại điện tử,

thương mại biên giới tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Duy trì triển khai có hiệu quả nền tảng hóa đơn điện tử. Đẩy mạnh triển khai hợp đồng điện tử trong doanh nghiệp, đẩy nhanh quá trình phổ cập thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt.

10. Xã hội số

Triển khai phát triển xã hội số theo Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh thực hiện Chiến lược Quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó tập trung:

- Triển khai phổ cập danh tính số cho người dân trên địa bàn tỉnh. Triển khai Hệ thống định danh và xác thực điện tử theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch 139/KH-UBND ngày 11/5/2022 của UBND tỉnh về thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Bình Phước, trong đó chú trọng các chỉ tiêu: *Số trường học, cơ sở giáo dục thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục; số bệnh viện, cơ sở y tế thực hiện chuyển đổi số, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ số giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các bệnh viện, cơ sở y tế.*

- Triển khai hỗ trợ máy tính bảng, điện thoại thông minh và dịch vụ viễn thông công ích cho hộ nghèo, cận nghèo (thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Lựa chọn, công bố các nền tảng xã hội số, công dân số cần tập trung thúc đẩy trong năm 2023 để giải quyết các vấn đề của người dân. Thúc đẩy cài đặt, sử dụng ứng dụng “Binhphuoc today”, đồng thời nghiên cứu mở rộng chức năng để cung cấp thêm nhiều dịch vụ, tiện ích hơn nữa phục vụ người dân, doanh nghiệp. Từng bước mở rộng phạm vi lĩnh vực thực hiện trên Hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06/CP để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế - xã hội. Hỗ trợ người dân biết cách sử dụng: dịch vụ công trực tuyến; mua, bán các sản phẩm, dịch vụ qua mạng; thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống (*y tế, giáo dục, du lịch, giải trí...*); áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ mình và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng.

- Hoàn thành việc triển khai địa chỉ số.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số hướng đến lợi ích của người dân và doanh nghiệp; nâng cao văn hóa khai thác và ý thức sử dụng công nghệ thông tin từ gia đình đến nhà trường, xã hội nhằm hướng tới các ứng dụng lành mạnh, thiết thực, hiệu quả, góp phần hình thành xã hội thông tin, gắn kết với bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho người sử dụng.

- Hằng năm, tổ chức các sự kiện về chuyển đổi số để nâng cao nhận thức trong cán bộ công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Chỉ đạo 100% các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở, Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị đều có nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số.

- Đưa nội dung đào tạo kỹ năng số vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học; ứng dụng các nền tảng đào tạo kỹ năng số cho người dân (tối thiểu 50% các trường học có nội dung tuyên truyền về chuyển đổi số thông qua các buổi học ngoại khóa và các hình thức khác).

- Ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp (ứng dụng “Binhphuoc today”, hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị của tỉnh - Tổng đài 1022, kênh hỏi - đáp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công trực tuyến, kênh Zalo “Binhphuoc today”...).

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Đẩy mạnh hợp tác chiến lược về chuyển đổi số với các Tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin; các hình thức đối tác công tư (PPP) để triển khai các nhiệm vụ, dự án chính quyền số, đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp doanh nghiệp để đẩy mạnh tuyên truyền, cung cấp dịch vụ công trực tuyến (kết hợp dịch vụ bưu chính công ích, mạng xã hội...).

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Nghiên cứu, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ số vào triển khai Chính phủ điện tử, Chính phủ số như: điện toán đám mây (Cloud Computing), trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence - AI), Internet kết nối vạn vật (Internet of Things - IoT), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain), phát triển ứng dụng trên các nền tảng di động (mobility)...

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Triển khai các hoạt động, chế độ chính sách nhằm thu hút nguồn lực công nghệ thông tin để chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng (bao gồm cả tài chính, nhân lực...).

- Tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương kết hợp bố trí ngân sách địa phương để triển khai các nhiệm vụ, dự án trọng điểm.

- Tuyển dụng, đào tạo và bố trí đủ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin vào làm việc tại các cơ quan nhà nước.

5. Giải pháp khác

- Thúc đẩy, gắn kết việc triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số với công tác cải cách hành chính. Gắn kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số với đánh giá cải cách hành chính, thi đua hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị.

- Triển khai các hoạt động học tập, tìm hiểu thực tế các mô hình chuyển đổi số hiệu quả ở các địa phương khác và nghiên cứu vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của cơ quan, địa phương.

- Khảo sát thông tin về mức độ hài lòng của doanh nghiệp và người dân đối với việc triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước để có hướng cải tiến, nâng cấp phù hợp.

- Tăng cường vai trò người đứng đầu các cơ quan nhà nước, giao chỉ tiêu triển khai cụ thể cho từng đơn vị gắn với trách nhiệm của người đứng đầu, đặc biệt là các chỉ tiêu triển khai dịch vụ công trực tuyến. Phát huy tối đa vai trò tổ chức triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, đảm bảo an toàn thông tin mạng của Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số các cấp, Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Văn hóa và Thông tin cấp huyện, Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng của tỉnh, Trung tâm giám sát điều hành đô thị thông minh (IOC) và Trung tâm SOC của tỉnh, Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06/CP.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Dự kiến kinh phí để thực hiện kế hoạch (*làm tròn*): **187 tỷ đồng**. Trong đó, kinh phí đầu tư công: **174 tỷ đồng**, kinh phí chi thường xuyên đã phê duyệt: **13 tỷ đồng**.

- Đối với các nhiệm vụ tại kế hoạch này mà chưa xác định được kinh phí triển khai, các cơ quan được giao chủ trì lập và trình cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định pháp luật.

VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (*Chi tiết tại Phụ lục V, Phụ lục VI, Phụ lục VII, Phụ lục VIII*).

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh

Thường xuyên cập nhật, theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; định kỳ, đột xuất tổ chức họp Ban Chỉ đạo để tham mưu UBND tỉnh giải quyết, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh; UBND cấp huyện theo dõi việc thực hiện kế hoạch, các nhiệm vụ, dự án, nền tảng dùng chung; định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm (*trước ngày 15 tháng cuối quý*) tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về chuyên đổi số cho cán bộ công chức; tham mưu xây dựng các cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tạo sự đồng thuận cao trong xã hội về triển khai chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị đánh giá, xếp hạng về Chỉ số chuyển đổi số (DTI) của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn, thẩm định chặt chẽ các nhiệm vụ, dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng UBND tỉnh

- Ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của Trung tâm Hành chính công tỉnh; Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn thực hiện các dự án thúc đẩy triển khai chuyển đổi số của Kế hoạch theo Luật Đầu tư công.

5. Sở Tài chính

Sở Tài chính căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách tỉnh, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý, thực hiện quyết toán theo quy định.

6. Sở Nội vụ

- Giám sát chặt chẽ việc thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức các cấp, đảm bảo tiêu chuẩn về chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định. Lồng ghép nội dung đào tạo, bồi dưỡng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức cấp xã.

- Triển khai công tác thi đua - khen thưởng về hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị gắn với kết quả triển khai chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, đề xuất giải pháp để hỗ trợ các sở, ngành, địa phương bố trí đầy đủ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin phục vụ công tác tham mưu triển khai chuyển đổi số.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình và Báo Bình Phước

- Chủ động tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Mở chuyên mục tuyên truyền định kỳ hàng tuần về chuyển đổi số trên các kênh thông tin hiện có của cơ quan mình.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền theo Kế hoạch này.

8. Các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện

- Căn cứ kế hoạch này và Khung kiến trúc chính quyền điện tử 2.0 tỉnh Bình Phước; các sở, ban, ngành tỉnh; UBND cấp huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2023 của cơ quan, địa phương mình phù hợp với nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch và tình hình thực tế.

- Chủ động tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số dưới nhiều hình thức. UBND cấp huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin, Đài Truyền thanh - Truyền hình mở chuyên mục tuyên truyền định kỳ hằng tuần về chuyển đổi số trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã (đảm bảo ít nhất 01 tin, bài/tuần).

- Định kỳ hằng quý, 6 tháng, năm (*trước ngày 05 tháng cuối quý*) báo cáo kết quả về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch nghiêm túc, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các đơn vị được phân công;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGV, TD6.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh